

Số: 146 /BC-BCĐ

Kiên Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021**

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Duy trì đăng tin bài, phát sóng trên báo, đài với các nội dung về chuyên mục “Chung tay xây dựng nông thôn mới”, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Vận động Nhân dân thực hiện thấp sáng đường quê, làm hàng rào, cột cờ, tham gia làm hố rác, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, giữ gìn vệ sinh môi trường trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh,...

Ngoài ra, các cấp tổ chức tuyên truyền lồng ghép các nội dung về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vào các cuộc họp Chi bộ, Tổ Nhân dân tự quản, các chi hội đoàn thể và thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri.

2. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập đoàn thẩm tra mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đổi tên và kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1204/QĐ-UBND, 1203/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đổi tên và kiện toàn Hội đồng thẩm định và xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Kiên Giang.

3. Các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

Thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện xây dựng nông thôn

mới trong năm 2021; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang năm 2021; Công văn số 2491/BNV-VPĐP ngày 04/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc khen thưởng công trình phúc lợi theo Quyết định số 1730/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục triển khai các Quyết định số 633/QĐ-UBND, 634/QĐ-UBND, 635/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí ấp nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu giai đoạn 2019-2020 tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục thực hiện Quyết định 3102/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố ấp nông thôn mới (trên địa bàn 04 xã biên giới và bãi ngang ven biển); ấp nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu tỉnh Kiên Giang.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

Rà soát, xây dựng kế hoạch tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng là cán bộ, công chức tham gia công tác xây dựng nông thôn mới các cấp.

Phối hợp với các Đoàn thể cấp tỉnh chuẩn bị xây dựng kế hoạch tập huấn triển khai chủ trương mới thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2021 cho các đối tượng làm công tác đoàn thể các cấp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Thường xuyên chỉ đạo các xã thực hiện công tác quản lý, rà soát quy hoạch và có điều chỉnh, bổ sung quy hoạch gắn với quy hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Về quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với các sở ngành và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng cho 02 huyện Vĩnh Thuận và Kiên Lương đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Giao thông nông thôn: Năm 2021 dự kiến đầu tư xây dựng 440 km đường (xây dựng mới 240 km; đầu tư nâng cấp, mở rộng 200 km đường hiện trạng) với kinh phí khoảng 440 tỷ đồng. Tổng số km đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh được cứng hóa lũy kể đến ngày 31/5/2021 là 6.369,88/9.565 km đạt 66,6%.



Điện nông thôn: Tổng vốn ngành điện phục vụ sinh hoạt để cải tạo lưới điện cho 13 công trình: Cải tạo đường dây trung thế 22,8 km, cải tạo đường dây hạ thế 199,7 km, tổng dung lượng trạm biến áp cải tạo 19.439,5 kVA, tổng vốn đầu tư 22,349 tỷ đồng. Các công trình này dự kiến thi công hoàn thành trong tháng 11 năm 2021.

3. Phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về việc Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Thành lập mới được 07/15 HTX nông nghiệp. Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 433 HTX (348 HTX trồng trọt, 83 HTX nuôi trồng thủy sản và 02 HTX chăn nuôi) với 32.252 thành viên, tổng số vốn điều lệ 105.707 triệu đồng, diện tích sản xuất 54.093,25 ha.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình OCOP năm 2021 và phát Giấy chứng nhận cho các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn OCOP trong năm 2020. Phối hợp với hướng dẫn các chủ thể và chính quyền địa phương lập hồ sơ, thủ tục đăng ký tham gia đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP năm 2021 trong 6 tháng đầu năm 2021 đã có 30/48 sản phẩm đăng ký ban đầu có khả năng đạt chuẩn OCOP từ 3 đến 5 sao.

Về đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh và đào tạo 11.005 người, đạt 44,02% so kế hoạch (trong đó: Cao đẳng 49 người, trung cấp 356 người, sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên 10.600 người); giải quyết việc làm cho 17.511 lượt lao động đạt 50,03% kế hoạch (trong đó: Trong tỉnh 10.589 lượt lao động, ngoài tỉnh 6.842 lượt lao động, hợp đồng lao động đi làm việc nước ngoài 80 lao động).

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng. Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021 thăm và chúc Tết tặng quà các đơn vị lực lượng vũ trang, bệnh viện, trường, trại, trung tâm và các đối tượng chính sách, người có công, người cao tuổi. Tổng đối tượng theo kế hoạch là 70.020 người và 731 đơn vị với tổng kinh phí hỗ trợ trên 28 tỷ đồng. Thực hiện Kế hoạch điều dưỡng phục hồi sức khỏe đối với người có công với cách mạng cho 4.022 đối tượng với tổng kinh phí 4.464,420 triệu đồng. Phối hợp cùng một số đơn vị hỗ trợ cho hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng người có công với cách mạng, tổ chức lễ truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước cho 54 Bà mẹ Việt Nam anh hùng và 22 Huân chương độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ.

Kịp thời triển khai các chính sách an sinh xã hội. Chỉ đạo thực hiện kịp thời chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng, dự kiến chi hỗ trợ trong 6 tháng đầu năm 53.251 người với tổng kinh phí là 144.823,4 triệu đồng. Triển khai thực hiện Kế hoạch tháng hành động vì trẻ em năm 2021, công tác Bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2021, tổ chức thăm và tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

5. Phát triển giáo dục

Hầu hết các cấp quản lý giáo dục thực hiện tốt vai trò tham mưu, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục ở địa phương; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học được đẩy mạnh và đạt được một số kết quả nhất định. Việc thực hiện chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, học sinh và giáo viên vùng khó khăn được quan tâm. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật; hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn với giáo dục kỹ năng sống được thực hiện thường xuyên, gắn với chủ đề và có tính định hướng cụ thể. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, đầu tư. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa, tạo nhiều nguồn lực đầu tư và hỗ trợ cho phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và góp phần thực hiện an sinh xã hội trong giáo dục.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa

Tình hình dịch bệnh được kiểm soát chủ động kịp thời không để dịch lớn xảy ra. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo và tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn công tác phòng chống Covid-19. Tăng cường tuyên truyền tư vấn khám phát hiện sớm và điều trị kịp thời có hiệu quả, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, tuyên truyền cổ động phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng đảm bảo thiết thực, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

7. Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Toàn tỉnh hiện có 54 trạm cấp nước và 02 hồ chứa nước (Hồ nước Dương Đông và Hồ nước An Sơn); tổng số đồng hồ đang được quản lý: 71.538 đồng hồ. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 98,28%, trong đó nước sạch là 61,43%. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước nông thôn theo kế hoạch; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng tiết kiệm và chủ động dự trữ nước nên việc cung cấp nước sạch cho người dân tiếp tục ổn định.

Tiếp tục chỉ đạo xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường.

8. Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Công tác đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ xã ấp được quan tâm, cán bộ xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; bố trí đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở theo quy định, Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; công tác kiểm soát thủ tục hành chính được quan tâm chỉ đạo thường xuyên; tiếp tục duy trì thực hiện cơ chế một cửa, một cửa điện tử tại 15/15 UBND huyện, thành phố và 144/144 xã, phường, thị trấn.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện. Nội dung tuyên truyền bám sát chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, các quy định của pháp luật, phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn. Hình thức tuyên truyền được đa dạng như: Tổ chức hội nghị tuyên truyền, lồng ghép các cuộc họp, các chương trình, hoạt động của cơ quan; biên soạn in ấn, cấp phát tài liệu tuyên truyền; tuyên truyền trên báo đài; tủ sách pháp luật, nghiệp vụ hòa giải cơ sở; sinh hoạt các loại hình câu lạc bộ pháp luật cơ sở,...

9. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội

Công tác huấn luyện diễn tập, tuần tra kiểm soát bảo vệ chủ quyền biển đảo được thực hiện tốt. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm tình hình, quản lý địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh trên địa bàn. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ổn định, không xảy ra các vụ chống đối nghiêm trọng, tranh chấp khiếu kiện một số nơi không phát sinh.

10. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tổ chức thẩm tra mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận; thẩm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại thành phố Hà Tiên; tổ chức đoàn thẩm định xã Nam Thái Sơn và xã Mỹ Phước huyện Hòn Đất, xã Nam Thái và xã Đông Thái huyện An Biên, xã Minh Hòa và xã Thạnh Lộc huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới.

11. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

Dự kiến nguồn vốn phân bổ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021 khoảng 456.759 triệu đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương phân bổ là 183.779 triệu đồng (vốn ĐTPT: 134.857 triệu đồng, vốn sự nghiệp 48.922 triệu đồng); ngân sách địa phương đối ứng là 272.980 triệu đồng (vốn ĐTPT: 202.694 triệu đồng, vốn sự nghiệp 70.286 triệu đồng). Tuy nhiên, các nguồn vốn này chưa được phân bổ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021.

12. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí

a) Kết quả đạt chuẩn xã nông thôn mới (kèm phụ lục)

Trong 6 tháng đầu năm 2021 công nhận 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế đến nay có 90/116 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (77,6%), các xã còn lại đạt từ 12 tiêu chí trở lên.

b) Kết quả đạt chuẩn huyện nông thôn mới

Toàn tỉnh lũy kế đến nay có 03 huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng và Gò Quao đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 20%).

Tổ chức thẩm tra mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận; thẩm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại thành phố Hà Tiên. Tổng hợp báo cáo kết quả thẩm tra thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới trình UBND tỉnh xem xét, tổ chức lấy ý kiến các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND các huyện, thành phố và người dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức họp Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh thẩm tra, đề nghị Trung ương thẩm định thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện Vĩnh Thuận đạt chuẩn nông thôn mới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thời gian qua, bộ máy chỉ đạo, điều hành Chương trình các cấp được hình thành đồng bộ, tập trung triển khai các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới có chuyển biến rõ nét.

Tuy nhiên, việc xã hội hóa nguồn lực ở một số địa phương còn khó khăn do thu nhập người dân nông thôn còn thấp; việc thực hiện cảnh quan môi trường, xử lý rác thải, chất thải chưa tốt; tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều. Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.



Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

I. MỤC TIÊU

Phấn đấu 6 tháng cuối năm 2021 công nhận thêm ít nhất 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Kiên Bình và xã Bình Trị huyện Kiên Lương), 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trình Trung ương thẩm định xét và công nhận 02 huyện Vĩnh Thuận và Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Hoàn thành các chỉ tiêu về: Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 62%; giải quyết việc làm

cho 35.000 lượt lao động trở lên; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1% so với năm 2020; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên 90%.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các xã, huyện đã đạt chuẩn. Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai xã đạt chuẩn mới, nông thôn mới nâng cao.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Tổ chức thẩm định và xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch. Tổ chức đoàn thẩm tra mức độ đạt tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Kiên Lương; trình Trung ương thẩm định 02 huyện Vĩnh Thuận và Kiên Lương đạt chuẩn nông thôn mới 2021, thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Triển khai Đề án Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)” năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tiếp tục triển khai hướng dẫn thực hiện xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và ấp nông thôn mới nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

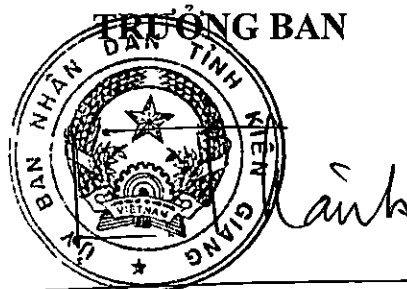
Tham mưu UBND tỉnh phân bổ, kiểm tra giám sát tình hình thực hiện các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thành phố năm 2021.

Tập trung chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện nguồn vốn được phân bổ chi tiết năm 2021, đối với vốn đầu tư phát triển ưu tiên đầu tư xây dựng cho các nội dung như: Giao thông, thủy lợi nội đồng, điện, trường học, trạm y tế, môi trường; đối với nguồn vốn sự nghiệp tập trung triển khai đầu tư cho các mô hình phù hợp với điều kiện địa phương, mang lại hiệu quả, có tính nhân rộng, đồng thời gắn với chuỗi giá trị sản xuất - tiêu thụ, đảm bảo an toàn thực phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- VP Điều phối NTM TW;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc.



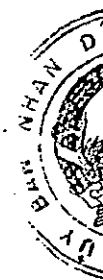
TRƯỞNG BAN
CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lâm Minh Thành

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp 19 tiêu chí xã nông thôn mới đến tháng 6 năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-BCĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Kiên Giang)

Stt	Địa phương/ Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
I	Tp Rạch Giá (1)																					
1	Xã Phi Thông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
II	Tp Hà Tiên (3)																					
2	Xã Tiên Hải	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
3	Xã Thuận Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
III	Huyện Giang Thành (5)																					
4	Xã Vĩnh Điều	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X			X	16	
5	Xã Vĩnh Phú	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		16	
6	Xã Tân Khánh Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
7	Xã Phú Lợi	X	X	X	X	X		X	X				X	X	X	X	X			X	13	
8	Xã Phú Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
IV	Huyện Kiên Lương (7)																					
9	Xã Kiên Bình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị TĐ
10	Xã Hòa Điền	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
11	Xã Bình Trị	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Chuẩn bị TĐ
12	Xã Bình An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
13	Xã Dương Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
14	Xã Hòn Nghệ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
15	Xã Sơn Hải	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
V	Huyện Hòn Đất (12)																					
16	Xã Mỹ Lâm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
17	Xã Sơn Kiên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
18	Xã Thổ Sơn	X	X	X	X			X	X		X		X	X	X	X	X		X	X	14	
19	Xã Bình Sơn	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X		X		X		14	
20	Xã Bình Giang	X	X	X		X		X		X	X		X	X	X	X	X				12	



Stt	Địa phương/ Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
21	Xã Mỹ Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
22	Xã Nam Thái Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
23	Xã Mỹ Hiệp Sơn	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	16	
24	Xã Sơn Bình	X	X	X	X					X	X	X	X	X	X	X		X	X		14	
25	Xã Mỹ Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
26	Xã Linh Huỳnh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
27	Xã Mỹ Phước	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
VI	Huyện Kiên Hải (4)																					
28	Xã Hòn Tre	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
29	Xã Lại Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
30	Xã An Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		16	
31	Xã Nam Du	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		18	
VII	Tp Phú Quốc (7)																					
32	Xã Cửa Cạn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
33	Xã Cửa Dương	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
34	Xã Dương Tơ	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X			X	15	
35	Xã Hàm Ninh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	18	
36	Xã Gành Dầu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
37	Xã Bãi Thơm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
38	Xã Thổ Châu	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X		X	X	X			X	14	
VIII	Huyện Tân Hiệp (10)																					
39	Xã Tân Hiệp A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
40	Xã Thạnh Đông A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
41	Xã Tân Hiệp B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
42	Xã Tân Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
43	Xã Tân An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
44	Xã Tân Hội	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
45	Xã Thạnh Đông B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
46	Xã Thạnh Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận

[illegible]

[illegible]

Stt	Địa phương/ Chỉ tiêu	Nội dung tiêu chí																			Tổng số tiêu chí Đạt	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
		QH	GT	TL	Điện	TH	CS VH	CS HT	TT	Nhà	TN	HN	LĐ	TC	GD	YT	VH	MT	HT CT	QP		
100	Xã Đông Hưng B	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
101	Xã Đông Thanh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XIV	Huyện Vĩnh Thuận (7)																					
102	Xã Vĩnh Bình Bắc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
103	Xã Vĩnh Phong	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
104	Xã Vĩnh Bình Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
105	Xã Tân Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
106	Xã Vĩnh Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
107	Xã Bình Minh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
108	Xã Phong Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
XV	Huyện An Biên (8)																					
109	Xã Đông Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
110	Xã Tây Yên A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
111	Xã Hưng Yên	X		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	16	
112	Xã Tây Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	18	
113	Xã Đông Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
114	Xã Nam Yên	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
115	Xã Nam Thái	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19	Đã công nhận
116	Xã Nam Thái A	X		X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		16	
TỔNG CỘNG		116	111	116	113	104	107	115	114	113	114	108	116	113	116	113	114	99	109	108		
Tỷ lệ đạt %		100	95,7	100	97,4	89,7	92,2	99,1	98,3	97,4	98,3	93,1	100	97,4	100	97,4	98,3	85,3	94,0	93,1		
Bình quân số tiêu chí đạt /xã																					18,2	

- Xã đạt 19 tiêu chí: 92 xã
- Xã đạt 15-18 tiêu chí: 17 xã
- Xã đạt 10-14 tiêu chí: 7 xã
- Xã đạt dưới 10 tiêu chí: 0 xã